

Số: **3419/BC-BNN-VP**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2011*

**BÁO CÁO**  
**Trả lời chất vấn Đại biểu Quốc hội**  
**tại kỳ họp thứ 2 - Quốc hội khoá XIII**

Tại kỳ họp này, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được các chất vấn của 19 Đại biểu Quốc hội với 28 câu hỏi. Thừa uỷ quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đã gửi câu trả lời trực tiếp tới các Đoàn và Đại biểu Quốc hội có chất vấn. Dưới đây là báo cáo tổng hợp tóm tắt phần câu hỏi và trả lời về những vấn đề mà các Đại biểu quan tâm:

- *Nông nghiệp: Quy hoạch đất trồng lúa, xuất khẩu lúa gạo và phát triển nông nghiệp công nghệ cao;*
- *Lâm nghiệp: Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và cho thuê đất trồng rừng;*
- *Thủy sản: Chính sách cho ngư dân đánh bắt xa bờ vay vốn ưu đãi;*
- *Sản xuất và kinh doanh, nhập khẩu muối;*
- *Phát triển Thủy lợi; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;*
- *Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh; liên kết "4 nhà";*
- *Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn;*
- *Xây dựng nông thôn mới;*
- *Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp;*

**1. Nông nghiệp:**

Đại biểu *Huỳnh Minh Chấn* (Đoàn Hậu Giang) chất vấn về chính sách hỗ trợ cho nông nghiệp, thu mua nông sản, việc xây dựng kho dự trữ nông sản. Đại biểu *Phùng Khắc Đăng* (Đoàn Sơn La) chất vấn về quy hoạch đất trồng lúa. Đại biểu *Đặng Thị Hoàng Yến* (Đoàn Long An) chất vấn về giải pháp xây dựng thương hiệu gạo Việt Nam, xuất khẩu gạo vào các thị trường khó tính và phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

**1.1: Quy hoạch đất trồng lúa:**

Chính phủ đã chỉ đạo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quy hoạch tổng thể sử dụng đất lúa toàn quốc đến năm 2020, tầm nhìn 2030 với nội dung quy hoạch diện tích đất lúa

là 3,8 triệu ha, trong đó đất chuyên sản xuất 2 vụ lúa là 3,2 triệu ha và phân bổ chỉ tiêu đất lúa cho từng địa phương. Đất lúa được quy hoạch không bao gồm đất trồng lúa nương.

Do tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, một số vùng trồng lúa có thể sẽ bị ngập, diện tích này không nằm trong số 3,8 triệu ha đất lúa đã quy hoạch. Dự báo đất lúa mất đi do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu (nước biển dâng) đến năm 2020 là 5,72 ngàn ha, năm 2030 là 19,87 ngàn ha, chủ yếu tập trung ở đồng bằng sông Cửu Long.

### **1.2: Về các chính sách hỗ trợ nông nghiệp, thu mua nông sản và xây dựng kho dự trữ nông sản:**

Nhà nước đã ban hành và đang thực thi nhiều chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp bao gồm: đầu tư thủy lợi, hỗ trợ thủy lợi phí, phát triển sản xuất giống, khuyến nông, hỗ trợ tín dụng, hỗ trợ phát triển cơ giới hóa và công nghệ sau thu hoạch, hỗ trợ khôi phục sản xuất sau thiên tai, tổ chức tiêu thụ và xuất khẩu lúa gạo theo hướng có lợi cho nông dân và đảm bảo ổn định thị trường trong nước... Những chính sách đó đã và đang phát huy tác dụng tích cực thúc đẩy nông nghiệp phát triển.

Về thu mua nông sản, nước ta thực hiện theo cơ chế thị trường phù hợp với các cam kết quốc tế. Nhà nước chỉ can thiệp khi cần thiết trong một số trường hợp (khi giá lúa gạo, cà phê xuống thấp). Chính sách này về cơ bản phù hợp với thực tiễn của nước ta, không có điều kiện để trợ cấp cho nông dân qua giá.

Để hạn chế biến động giá theo kiểu "được mùa mất giá" các biện pháp chủ yếu đã và đang được thực hiện gồm:

- Quy hoạch để phối hợp với các địa phương phổ biến, hướng dẫn nông dân sản xuất những mặt hàng có khả năng cạnh tranh, có thị trường tiêu thụ thuận lợi.

- Cung cấp tín dụng cho nông dân để không phải bán hàng lấy tiền trả nợ ngay sau khi thu hoạch, doanh nghiệp có thể mua nông sản dự trữ.

- Thông qua hệ thống khuyến nông để chuyển tải các tiến bộ kỹ thuật mới đến nông dân và hướng dẫn nông dân phát triển sản xuất theo qui hoạch, sử dụng các công nghệ canh tác mới, giống mới đảm bảo năng cao chất lượng và khả năng cạnh tranh của nông sản hàng hoá.

- Phát triển hệ thống thông tin thị trường.

Để hỗ trợ chủ động tiêu thụ nông sản, thời gian qua Chính phủ đã có chủ trương và chỉ đạo triển khai xây dựng 4 triệu tấn kho lúa gạo, trong đó xây dựng mới 2,5 triệu tấn, tới cuối năm 2011 thực hiện được 1,124 triệu tấn.

### **1.3: Sản xuất lúa gạo và xây dựng thương hiệu lúa gạo Việt Nam:**

Để hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng thương hiệu gạo xuất khẩu Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có các giải pháp, cụ thể:

- Định hướng qui hoạch trong việc đầu tư và triển khai các giống lúa ở các vùng tập trung, xây dựng những cánh đồng mẫu lớn canh tác theo tiêu chuẩn GAP (Good Agricultural Practice), nhằm tạo ra khối lượng lúa lớn;

- Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học đảm bảo chất lượng lúa ổn định; phát triển công nghệ sau thu hoạch, bảo quản tốt trong khâu tồn trữ, xây dựng quy chuẩn về các nhà máy xay xát gạo xuất khẩu, xây dựng hệ thống kho dự trữ gạo;

- Hình thành hệ thống thu mua lương thực, khuyến khích hợp đồng tiêu thụ giữa doanh nghiệp chế biến xuất khẩu và người sản xuất;

Hàng năm, Bộ đã tổ chức các lớp đào tạo, hướng dẫn về xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp, cán bộ quản lý ở địa phương, hỗ trợ việc xây dựng nhiều thương hiệu gạo đặc sản trong nước gắn với chỉ dẫn địa lý, đặc sản vùng miền như gạo Tám Xoan Hải Hậu, thơm Chợ Đào, Jasmine... Thực tế Vinafood đã trở thành thương hiệu gạo trên thế giới.

Đối với thị trường châu Âu và Hoa Kỳ là các thị trường rất khát khe về các tiêu chuẩn nhập khẩu cũng như chất lượng hàng hoá. Trong các năm qua, lượng gạo Việt Nam xuất khẩu vào các thị trường này không lớn so với tổng lượng gạo xuất khẩu của cả nước, nhưng đã tăng dần qua các năm, cụ thể như sau:

*Đơn vị: Tấn*

THỊ TRƯỜNG	NĂM 2010		NĂM 2009		NĂM 2008	
	SỐ LƯỢNG	CHIÊM %	SỐ LƯỢNG	CHIÊM %	SỐ LƯỢNG	CHIÊM %
CHÂU ÂU	207.088,10	3,07%	201.641,63	3,33%	139.808,87	2,99%
Mỹ	13.544,57	0,20%	7.103,41	0,12%	829,07	0,02%

Đối với các thị trường trên, trong năm 2012 cũng như 5 năm tới, chúng ta không đặt mục tiêu cụ thể về số lượng nhưng phấn đấu để tăng lượng xuất khẩu gạo vào các thị trường này.

#### ***1.4: Về việc nghiên cứu, cải tiến giống và kỹ thuật trồng lúa:***

Trong giai đoạn 2006-2010, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đầu tư, triển khai 15 đề tài nghiên cứu chọn tạo giống lúa và 15 đề tài nghiên cứu về biện pháp kỹ thuật, phòng trừ sâu bệnh cho lúa với tổng kinh phí gần 55 tỷ đồng. Kết quả đã tạo ra 79 giống lúa, trong đó công nhận 28 giống mới và cho sản xuất thử 51 giống. Ngoài ra, đã có hàng chục quy trình kỹ thuật được công nhận là tiến bộ kỹ thuật và được áp dụng rộng rãi trong sản xuất, góp phần phòng trừ sâu bệnh, giảm chi phí đầu tư, nâng cao năng suất và chất lượng lúa gạo, đặc biệt là tại vùng ĐBSCL.

Trong giai đoạn 2011-2016, Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp tục tập trung đầu tư cho công tác nghiên cứu chọn tạo và phát triển giống lúa. Bộ đã phê duyệt và triển khai thực hiện 8 đề tài cấp Bộ về chọn tạo giống lúa thuần và lúa lai với tổng kinh phí gần 30 tỷ đồng. Mục tiêu là chọn tạo ra các giống lúa có năng suất cao (tăng 15-20%), chất lượng tốt, có khả năng chống chịu tốt đối với sâu bệnh

và điều kiện bất thuận, thích hợp với các vùng sinh thái khác nhau. Đối với vùng ĐBSCL, tập trung nghiên cứu chọn tạo giống lúa phục vụ xuất khẩu, có năng suất đạt trên 6,5 tấn/ha trong vụ Đông Xuân, hạt gạo dài (trên 7mm), trong, hàm lượng amylose khoảng 20%, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu; giống lúa cực ngắn và ngắn ngày nhằm né tránh thiên tai, sâu bệnh; giống lúa chống chịu mặn, hạn và giống lúa đặc sản. Ngoài ra, Bộ NN-PTNT tiếp tục đầu tư nghiên cứu về biện pháp kỹ thuật canh tác lúa theo hướng GAP, ICM; nghiên cứu biện pháp phòng trừ sâu bệnh; nghiên cứu về công nghệ sau thu hoạch nhằm nâng cao năng suất và chất lượng lúa gạo Việt Nam.

### **1.5: Nông nghiệp công nghệ cao:**

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã và đang tích cực triển khai thực hiện Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 29/1/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020. Bộ đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 69/2010/QĐ-TTg ngày 03/11/2010 về Thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đã ban hành Thông tư số 50/2011/TT-BNNPTNT ngày/15/7/2011 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 69/2010/QĐ-TTg. Hiện nay, Bộ đang triển khai lập báo cáo quy hoạch tổng thể khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong cả nước để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai kế hoạch nghiên cứu phát triển công nghệ cao trong nông nghiệp; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tiến hành công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đủ điều kiện và hướng dẫn một số địa phương xây dựng đề án thành lập khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

## **2. Lâm nghiệp**

Đại biểu *Phạm Văn Tấn* (Đoàn Nghệ An) chất vấn về kết quả Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, Đại biểu Quốc hội *Huỳnh Thành* (Đoàn Gia Lai) chất vấn về thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nghèo sang sản xuất nông nghiệp; Đại biểu *Lê Như Tiến* (Đoàn Quảng Trị) và Đại biểu *Nguyễn Thị Khá* (Đoàn Trà Vinh) chất vấn về cho nước ngoài thuê đất trồng rừng và giá cho thuê đất để trồng rừng; về các giải pháp để người dân vùng miền núi sống được bằng nghề trồng rừng...

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

### **2.1: Về kết quả thực hiện Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng:**

Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đã trồng được 2.450.010ha; khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh kết hợp trồng bổ sung 1.283.350ha, cho đến nay đã thành rừng 900.000ha; trồng được 941.464ha cây ăn quả, cây công nghiệp có tàn che như cây rừng. Như vậy, diện tích rừng tạo mới trong cả giai đoạn thực hiện Dự án là 4.674.824ha (đạt 93,5% kế hoạch).

Dự án trồng mới 5 triệu ha rừng đã đem lại những kết quả to lớn về môi trường sinh thái, về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng. Tuy vậy, Dự án cũng còn nhiều tồn tại. Nhiều nhiệm vụ cần phải được tiếp tục thực hiện nhằm duy trì và phát huy những thành quả mà Dự án đã đạt được. Đồng thời, phát triển lâm nghiệp là giải pháp quan trọng để giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu, tạo điều kiện cho đất nước phát triển bền vững lâu dài. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI xác định mục tiêu đưa độ che phủ rừng lên 42 - 43% vào năm 2015 và 44 - 45% vào năm 2020. Vì vậy, trong giai đoạn tới cần tiếp tục thực hiện các giải pháp tích cực bảo vệ và phát triển rừng (bao gồm cả trồng mới rừng) để giải quyết các vấn đề nêu trên.

#### *Về trồng rừng mới giai đoạn 2011-2020:*

Cho đến nay cả nước vẫn còn hơn 2,8 triệu ha đất trống, đồi núi trọc, trong đó có 1.250.000ha có thể trồng mới rừng, 750.000ha khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phục hồi rừng. Phần còn lại (khoảng trên 800.000ha) là công trình hạ tầng, ao hồ, sông suối, núi đá, vùng sâu, vùng xa không thể tiếp cận...không thể trồng rừng.

Do đó, theo kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2020 cùng với việc tăng cường nỗ lực bảo vệ rừng dự kiến trồng mới 1.250.000ha, trong đó rừng phòng hộ 250.000ha và rừng sản xuất 1.000.000ha. Tiến hành khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 750.00ha. Ngoài ra, trồng lại rừng 1.350.000ha (trồng lại sau khai thác, cháy rừng, mất rừng .v.v...).

#### **2.2: Về thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng nghèo sang sản xuất nông nghiệp:**

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg ngày 20/7/2004 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn.

Thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang sản xuất nông nghiệp (là hình thức chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải là lâm nghiệp) đã được quy định chi tiết tại Điều 29, Nghị định số 23/2006/NĐ-CP ngày 03/3/2006 của Chính phủ về thi hành Luật Bảo vệ và phát triển rừng. Đồng thời, để tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có văn bản số 33/BNN-TCLN ngày 07/12/2010, hướng dẫn các địa phương thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác không phải là lâm nghiệp.

#### **2.3: Vấn đề nước ngoài thuê đất trồng rừng và giá cho thuê đất lâm nghiệp:**

Ngày 9 tháng 03 năm 2010, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 405/TTg-KTN chỉ đạo các địa phương dừng việc cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài. Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương tiến hành kiểm tra, rà soát các dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài và Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã thay mặt Chính phủ có Báo cáo số 156/BC-CP ngày 20 tháng 10 năm 2010 trình Quốc hội khóa XII.

Theo báo cáo số 156/BC-CP, đến hết tháng 8 năm 2010 trên cả nước có 8 dự án trồng rừng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư trên địa bàn 8 tỉnh: Lạng Sơn, Quảng Ninh, Nghệ An, Kon Tum, Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Bình Phước; trong đó tổng diện tích đất dự kiến cho thuê (ghi trong Giấy chứng nhận đầu tư) của các dự án trồng rừng có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là 288.974 hecta. Tuy nhiên, chính quyền địa phương mới hợp đồng cho các nhà đầu tư nước ngoài thuê 18.571 hecta;

Tiếp theo, ngày 31 tháng 5 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã có Văn bản số 867/TTg-KTN chỉ đạo về việc rà soát kiểm tra, đánh giá các dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài.

Hiện nay các địa phương đang nghiêm túc thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các văn bản được nêu, không có tình nào cấp mới Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án trồng rừng có vốn đầu tư nước ngoài.

Về giá thuê đất đối với các dự án được thực hiện theo qui định của Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn Luật (Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quản lý nhà nước về các nội dung được nêu.

Theo qui định tại các văn bản này, trồng rừng thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư và các dự án triển khai trên địa bàn đầu tư khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn nên hầu hết các diện tích thuê đất trồng rừng của các doanh nghiệp trong và ngoài nước trên địa bàn các tỉnh đều được áp dụng mức giá thuê thấp (từ vài chục nghìn đồng đến vài trăm nghìn đồng/ha/năm, tùy từng điều kiện cụ thể) và phần lớn là được miễn tiền thuê đất trong 11 năm hoặc toàn bộ thời gian thực hiện dự án.

### ***2.3: Về các giải pháp để người dân vùng miền núi sống được bằng nghề trồng rừng:***

Mặc dù ở nước ta quỹ rừng và đất lâm nghiệp còn hạn chế, nhưng một bộ phận người dân miền núi có thể sống được bằng nghề rừng nếu thực hiện tổng hợp các giải pháp chủ yếu sau:

- Tiến hành giao đất, giao rừng cho hộ gia đình để tổ chức sản xuất lâm nghiệp, quản lý bảo vệ rừng;

- Hướng dẫn nông dân áp dụng khoa học kỹ thuật, nông lâm kết hợp, “lấy ngắn nuôi dài”.

- Nhà nước khuyến khích phát triển hệ thống chế biến lâm sản và dịch vụ lâm nghiệp để tạo thị trường đầu ra cho sản phẩm lâm nghiệp ở miền núi.

- Triển khai tích cực chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, tín chỉ các bon từ rừng, phát triển du lịch sinh thái và các nguồn thu từ rừng khác để tăng thu nhập cho các hộ nông dân miền núi.

- Nhà nước có chính sách vay vốn tín dụng ưu đãi và hỗ trợ đầu tư để các hộ nông dân miền núi phát triển sản xuất nông lâm nghiệp.

### 3. Sản xuất muối:

Đại biểu *Huyền Minh Hoàng* (Đoàn Bạc Liêu) chất vấn về các giải pháp đẩy mạnh phát triển nghề muối có hiệu quả, bền vững, mô hình sản xuất muối sạch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

Năm 2011, diện tích sản xuất muối trên toàn quốc đã đạt 14.615 ha, bằng 96,7% so với năm 2010. Sản lượng muối năm 2011 dự kiến đạt 800.000 tấn. Tuy nhiên, sản xuất muối ở nước ta chủ yếu vẫn theo phương pháp thủ công, phụ thuộc nhiều vào thời tiết. Hơn nữa, năm nay do thời tiết không thuận lợi, thường xuyên có mưa xen kẽ, dẫn đến năng suất lao động thấp và ảnh hưởng đến thu nhập của người dân làm muối, trong khi giá cả thị trường các mặt hàng khác tăng cao, đời sống người làm muối khó khăn.

Để thúc đẩy ngành muối phát triển có hiệu quả, bền vững, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang triển khai thực hiện:

- Xây dựng quy hoạch phát triển sản xuất muối đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo hướng phát triển tập trung ở những vùng, địa phương có điều kiện thuận lợi sản xuất muối nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và các ngành kinh tế khác.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng năng suất, chất lượng muối.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn chỉnh các chính sách phát triển ngành muối, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế tham gia phát triển sản xuất, chế biến và tiêu thụ muối.

- Xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực muối phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Triển khai Đề án thu mua muối và sản xuất, cung ứng muối Iốt nhằm đảm bảo cho người dân sản xuất muối tiêu thụ thuận lợi, có lãi 20 - 30%. Sản xuất, cung cấp đủ muối Iốt đảm bảo chất lượng cho nhu cầu xã hội.

- Về xây dựng các mô hình sản xuất muối sạch: Những năm gần đây, thông qua các chương trình Khuyến nông, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chỉ đạo đẩy mạnh thực hiện áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất muối; xây dựng các mô hình chuyên đổi vị trí chạt lọc, kết tinh muối trên bạt ở nhiều địa phương, trong đó có tỉnh Bạc Liêu, góp phần giảm cường độ lao động, nâng cao năng suất, chất lượng muối. Mô hình áp dụng kỹ thuật trải bạt ô kết tinh đã làm tăng năng suất lên 1,2 đến 1,5 lần ở các tỉnh Bạc Liêu, Nam Định, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa.... Tuy nhiên, hiện nay nhiều hộ sản xuất muối là hộ nghèo, chưa có vốn để đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật này.

Vừa qua, Hội đồng tư vấn của Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xác định danh mục các dự án khuyến nông Trung ương với các dự án mô hình sản xuất muối sạch tại các tỉnh: Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh cho kế hoạch 2011 – 2013 và đề xuất danh mục các dự án mô hình sản xuất muối sạch theo kế hoạch năm 2012 tại các tỉnh: Bình Thuận, Bà Rịa – Vũng Tàu, Bến Tre, Sóc Trăng và Bạc Liêu để tuyển chọn đơn vị thực hiện.

#### **4. Thủy sản: Chính sách cho ngư dân đánh bắt xa bờ vay vốn ưu đãi:**

Đại biểu *Phạm Văn Hồ* (Đoàn Phú Yên) có chất vấn về cho ngư dân đánh bắt xa bờ vay vốn ưu đãi.

Vấn đề này thuộc thẩm quyền của Ngành Ngân hàng, Bộ Nông nghiệp và PTNT xin ghi nhận để phối hợp kiến nghị các cơ quan chức năng xem xét, giải quyết.

#### **5. Phát triển thủy lợi; phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng:**

Đại biểu *Trương Minh Hoàng* và Đại biểu *Bùi Ngọc Chương* (Đoàn Cà Mau), Đại biểu *Lê Việt Trường* (Đoàn An Giang), Đại biểu *Nguyễn Bá Thuyền* (Đoàn Lâm Đồng), Đại biểu *Đinh Xuân Thảo* (Đoàn Hà Nội), Đại biểu *Nguyễn Hữu Đức* (Đoàn Đồng Tháp) chất vấn về công tác phát triển thủy lợi; về các giải pháp nâng cao hiệu quả các chương trình “Sống chung với lũ” ở ĐBSCL; xây dựng hệ thống công trình đê biển, đê sông, phòng chống biến đổi khí hậu và nước biển dâng; công tác chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh; việc chậm thi công xây dựng một số công trình thủy lợi; việc sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi sông Nhuệ.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

##### **5.1: Về ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng:**

Nhiều nghiên cứu cho thấy Việt Nam là một trong những quốc gia bị tác động nặng nề do BĐKH, đặc biệt là nước biển dâng. Lĩnh vực chịu tác động mạnh mẽ nhất do BĐKH là nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, diêm nghiệp, lâm nghiệp. Các vùng đồng bằng sông Cửu Long, sông Hồng và dải ven biển miền Trung chịu tác động mạnh do mực nước biển dâng.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã sớm triển khai các hoạt động ứng phó, xây dựng và ban hành Khung chương trình hành động thích ứng với Biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, giai đoạn 2008-2020 (quyết định số 2730/QĐ-BNN-KHCN ngày 05/9/2008); Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Nông nghiệp và PTNT giai đoạn 2011-2015, tầm nhìn đến 2050 (quyết định số 543/QĐ-BNN-KHCN ngày 23/3/2011).

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đang tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về “Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020” trong bối cảnh BĐKH.

- Lồng ghép, đưa yếu tố biến đổi khí hậu vào Chương trình củng cố, nâng cấp đê biển từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang (Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009). Chương trình bắt đầu triển khai từ 2010, kinh phí Trung ương cấp trực tiếp về UBND các tỉnh để triển khai thực hiện. Đối với vùng bán đảo Cà Mau (gồm Bạc Liêu, Cà Mau, Kiên Giang), năm 2010: 107 tỷ đồng, năm 2011: 65 tỷ đồng.

- Triển khai 5 đề tài Khoa học công nghệ phục vụ xây dựng Đê biển và công trình thủy lợi vùng cửa sông ven biển giai đoạn II, thực hiện từ 2009-2011,



đến tháng 12 năm 2011 sẽ kết thúc, kết quả nghiên cứu của các đề tài đã được sử dụng để biên soạn và ban hành Tiêu chuẩn thiết kế Đê biển.

- Rà soát quy hoạch tổng thể thủy lợi đồng bằng sông Cửu Long, trong điều kiện BĐKH và nước biển dâng đã được hoàn thiện, đang thẩm định Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược từ Bộ Tài nguyên và Môi trường để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bộ đang chỉ đạo tổ chức xây dựng các dự án thích ứng với BĐKH của ngành để kêu gọi đầu tư đáp ứng Tiêu chí đánh giá dự án ưu tiên theo chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2011. Triển khai chương trình giảm phát thải thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, phát triển rừng (REDD), bảo vệ, trồng mới rừng ngập mặn ...Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và PTNT cũng đang triển khai Dự án "Quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long" (quyết định 752/BNN-XD ngày 15/4/2011); Dự án "Cải thiện hệ thống khuyến nông qua việc áp dụng hệ thống canh tác và kỹ thuật trồng trọt hiệu quả hơn cho nông dân nghèo ở Đồng bằng sông Cửu Long"; Dự án Tăng cường Năng lực và Thể chế cho công tác Quản lý tổng hợp Hệ sinh thái vùng ven biển trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

- Bộ đang phối hợp triển khai quy hoạch, xây dựng các công trình chống ngập cho Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Vĩnh Long, Cà Mau có tính tới tác động của biến đổi khí hậu.

## ***5.2: Về nâng cao hiệu quả các chương trình “ sống chung với lũ” ở các tỉnh ĐBSCL:***

Năm 2011 đã xảy ra trận lũ đặc biệt lớn tại Đồng bằng sông Cửu Long tương đương với đợt lũ năm 2000. Tuy mực nước lũ tại đầu nguồn thấp hơn nhưng trong nội đồng đã tương đương hoặc vượt đỉnh lũ năm 2000.

Số người thiệt mạng năm 2011 là thấp nhất so với toàn bộ các trận lũ lớn trước đây; so với năm 2000, số người thiệt mạng giảm từ 481 người xuống còn 85 người; số nhà bị ngập giảm từ trên 891.000 căn xuống còn trên 153.000 căn. Sơ bộ tổng giá trị thiệt hại khoảng trên 360 tỷ đồng tương đương khoảng 10% so với tổng thiệt hại năm 2000.

Nhiều năm qua, Đảng, Nhà nước đã rất quan tâm, chỉ đạo, đầu tư nhiều chương trình, dự án lớn, xây dựng công trình thoát lũ kết hợp đê bao, bờ bao, cụm tuyến dân cư. Bên cạnh đó, cùng với các cấp chính quyền, nhân dân địa phương rất chủ động, đối phó với lũ, lụt, thiên tai, góp phần giảm đáng kể thiệt hại.

Để nâng cao hiệu quả các công trình sống chung với lũ ở Đồng bằng sông Cửu Long, đảm bảo ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và tiếp tục chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc Bộ phối hợp với các địa phương triển khai đồng bộ các giải pháp. Cụ thể như sau:

- Đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thủy lợi vùng đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu nước biển dâng;

- Hoàn thành quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ, đang lập quy hoạch thủy lợi chống ngập úng các tỉnh: Vĩnh Long, Cà Mau dự kiến hoàn thành trong năm 2012;

- Rà soát đê bao, bờ bao, cống bọng hiện có trên địa bàn các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; xây dựng một số dự án trọng điểm thoát lũ, đê bao, bờ bao chính kết hợp các công trình công chủ động điều tiết lấy nước, phù sa, thau chua, rửa mặn, vệ sinh đồng ruộng, tiêu úng;

- Rà soát các khu vực bị sạt lở, đặc biệt khu vực sạt lở sau trận lũ năm 2011, từ đó xây dựng dự án trình Chính phủ xử lý kịp thời theo quy chế đã được ban hành;

- Phối hợp với Bộ Xây dựng rà soát các cụm, tuyến dân cư vượt lũ để thúc đẩy triển khai chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ (giai đoạn 2);

- Rà soát quy hoạch vùng sản xuất lúa vụ 3, nghiên cứu đẩy sớm thời vụ sản xuất lúa vụ 3;

- Cùng cố tổ chức, lực lượng quản lý hệ thống công trình thủy lợi, đê bao, bờ bao; phân cấp đê; xây dựng các mốc cảnh báo lũ tại các khu vực thường xuyên bị ngập sâu;

- Triển khai có hiệu quả dự án vay vốn Ngân hàng Thế giới: WB4 tại các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, WB6 tại 6 tỉnh phía Tây sông Hậu, REDTA giảm lũ đồng bằng sông Cửu Long tại các tỉnh Đồng Tháp, Tiền Giang. Làm thủ tục và đàm phán dự án ADB 10 nâng cấp đê biển; WB8 tăng cường năng lực công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão đồng bằng sông Cửu Long và một số chương trình, dự án khác.

### **5.3 Về xây dựng hệ thống đê biển, đê sông, các công trình phục vụ chống ngập ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam:**

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu, xây dựng Chương trình, kế hoạch, quy chế trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt làm cơ sở để đầu tư củng cố, nâng cấp hệ thống đê biển, xây dựng các công trình phòng chống sạt lở, xây dựng các công trình thủy lợi và hướng dẫn việc xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển, cụ thể:

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình củng cố nâng cấp đê biển các tỉnh từ Quảng Ngãi đến Kiên Giang tại Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 27/5/2009. Đến nay, Chính phủ đã và đang hỗ trợ kinh phí để các Tỉnh trong phạm vi Chương trình, trong đó có các tỉnh ven biển Nam Bộ triển khai thực hiện, dự kiến đến năm 2020 sẽ cơ bản hoàn thành.

- Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế xử lý sạt lở bờ sông, bờ biển kèm theo Quyết định số 01/2011/QĐ-TTg ngày 04/01/2011 làm cơ sở để các Tỉnh chủ động huy động các nguồn lực của địa phương và xin hỗ trợ kinh phí của Trung ương.

Về chống ngập úng thành phố Hồ Chí Minh, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu lập Quy hoạch thủy lợi chống

ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1547/QĐ-TTg ngày 28/10/2008, làm cơ sở để các Bộ ngành (trong đó có Bộ Nông nghiệp và PTNT) và UBND thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo việc lập, phê duyệt các dự án đầu tư gồm: xây dựng các tuyến đê bao chính, các cống điều tiết lớn, cải tạo trục tiêu thoát nước,... Đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thành phê duyệt 3 dự án trọng điểm (các cống Kinh Lộ, Mương Chuối, Thủ Bộ), đang chỉ đạo hoàn thành việc thiết kế kỹ thuật để triển khai thực hiện.

Bộ cũng đã cùng với các địa phương hoàn thành Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng thành phố Cần Thơ, đang lập quy hoạch thủy lợi chống ngập úng các tỉnh: Vĩnh Long, Cà Mau dự kiến hoàn thành trong năm 2012.

#### **5.4 Về xây dựng các công trình thủy lợi ở Lâm Đồng, Phú Yên và An Giang:**

Đại biểu *Nguyễn Bá Thuyền* (Đoàn Lâm Đồng) chất vấn về việc chậm thi công các công trình thủy lợi Đạ Lây, Đạ Sị tỉnh Lâm Đồng; Đại biểu *Phạm Văn Hồ* (Đoàn Phú Yên) chất vấn về việc chậm thi công công trình hồ chứa nước Mỹ Lâm, tỉnh Phú Yên; Đại biểu *Lê Việt Trường* (Đoàn An Giang) đề nghị Bộ hỗ trợ xây dựng hệ thống thủy lợi cho chân ruộng cao vùng Bảy Núi. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

- Trong thời gian qua, nguồn vốn đầu tư phát triển được Chính phủ giao cho Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý còn thấp so với nhu cầu đầu tư Bộ trình Chính phủ (năm 2010, chỉ đáp ứng 53% nhu cầu; năm 2011, chỉ đáp ứng 33% nhu cầu). Đối với ngành thủy lợi, vốn ngân sách được giao chủ yếu để bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA và một số dự án hoàn thành. Do vậy, chưa có nguồn để bố trí cho các công trình khởi công mới, trong đó có các công trình hồ chứa Đạ Lây, Đạ Sị, Mỹ Lâm.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trân trọng ghi nhận và sẽ tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành chức năng tìm nguồn vốn để đầu tư các công trình nêu trên. Khi xác định, bố trí được nguồn vốn, sẽ xác định thời gian khởi công và hoàn thành theo tiến độ thực hiện của dự án. Trước mắt tập trung và hoàn thành việc thi công các công trình dở dang trên địa bàn.

**5.5: Về áp dụng các quy định của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân ven sông Nhuệ:** Vấn đề này thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố Hà Nội, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ phối hợp với cơ quan chức năng của TP Hà Nội khi có yêu cầu cụ thể.

#### **6. Đổi mới nông, lâm trường quốc doanh và liên kết "4 nhà":**

Đại biểu *Hà Sỹ Đồng* (Đoàn Quảng Trị) và Đại biểu *Chu Sơn Hà* (Đoàn Hà Nội) chất vấn về việc chuyển đổi các nông, lâm trường quốc doanh và việc cổ phần hoá các công ty lâm nghiệp, về kết quả sắp xếp nông lâm trường quốc doanh của Bộ và thành phố Hà Nội. Đại biểu *Nguyễn Thanh Thảo* (Đoàn Đồng Tháp) chất vấn về giải pháp để mối liên kết "4 nhà" chặt chẽ, hiệu quả.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

**6.1. Về sắp xếp, đổi mới quản lý các lâm trường quốc doanh:**

Sau khi sắp xếp, đổi mới lâm trường quốc doanh theo Nghị định số 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ và Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các lâm trường quốc doanh làm nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã chuyển thành các công ty lâm nghiệp, hoạt động theo Luật doanh nghiệp ở mô hình công ty TNHH một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu. Tuy vậy, do cơ chế hoạt động chưa được đổi mới nên các doanh nghiệp này chưa thật sự tự chủ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh chưa cao. Việc cổ phần hoá thí điểm vườn cây, rừng trồng gắn với cơ sở chế biến, dịch vụ trong các công ty lâm nghiệp (lâm trường quốc doanh) theo quy định tại Nghị định số 200/2004/NĐ-CP của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 442/TTg-ĐMDN ngày 15/3/2010 cũng chưa thực hiện được do các doanh nghiệp lâm nghiệp chưa có cơ sở chế biến, dịch vụ đủ điều kiện để thí điểm.

Để giải quyết cho các doanh nghiệp thuộc Bộ ổn định sản xuất theo Nghị quyết tái cấu trúc nền kinh tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc còn lại. Theo Đề án đã trình, lộ trình cổ phần hoá các doanh nghiệp trực thuộc Bộ sẽ được thực hiện từ năm 2012 và hoàn thành vào năm 2015.

Việc cổ phần hoá các công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn, tổng công ty nhà nước làm đại diện chủ sở hữu thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Chủ tịch Hội đồng thành viên các tập đoàn, tổng công ty nhà nước chịu trách nhiệm xây dựng Đề án sắp xếp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định phê duyệt và triển khai thực hiện

**6.2. Về kết quả sắp xếp nông trường quốc doanh thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và trên địa bàn TP Hà Nội:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT có một số Tổng công ty (chè, chăn nuôi, rau quả, mía đường) có doanh nghiệp (công ty) trực thuộc được chuyển đổi từ nông trường quốc doanh từ khi thực hiện Nghị định số 388 (năm 1993). Các doanh nghiệp này có sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đã được sắp xếp, đổi mới theo phương án sắp xếp tổng thể về doanh nghiệp nhà nước của bộ theo phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, sử dụng đất sản xuất theo quy định của Luật Đất đai. Cụ thể như sau: cổ phần hoá 25 đơn vị (trong đó có 14 đơn vị thực hiện trước Nghị định 170/2004/NĐ-CP); liên doanh 1 đơn vị; bán 1 đơn vị (Công ty rau quả Kiên Giang); giải thể 4 đơn vị; phá sản 3 đơn vị.

- Trên địa bàn Hà Nội (trước khi sáp nhập thêm tỉnh Hà Tây) không có nông trường quốc doanh. Sau khi sáp nhập tỉnh Hà Tây, thành phố Hà Nội có thêm 4 nông trường thuộc tỉnh Hà Tây (công ty nông nghiệp) đã được sắp xếp và hiện tại đã chuyển đổi thành công ty TNHH MTV.

Trên địa bàn có các doanh nghiệp thuộc các Tổng công ty trực thuộc Bộ gồm: Công ty CP Đầu tư XNK NLSCB (Tổng công ty Rau quả - Nông sản),

Công ty CP chè Long Phú (Tổng công ty Chè Việt Nam) và Công ty CP Việt Mông, Công ty CP gà giống Ba Vì (Tổng công ty Chăn nuôi) trước đây đóng trên địa bàn Hà Tây.

Nhìn chung hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp sau khi chuyển đổi có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với trước đây nhưng còn chậm và chưa thực sự bứt phá. Các đơn vị chưa thực hiện cổ phần hoá thì chưa có chuyển biến rõ, thực chất.

Việc chuyển đổi khoán từ khoán theo Nghị định 01/NĐ-CP sang Nghị định 135/2005/NĐ-CP gặp nhiều khó khăn do có các quy định mới về trình tự, thủ tục, đối tượng và thời hạn giao khoán khi thực hiện chuyển đổi hợp đồng, phát sinh nhiều khiếu nại. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang tiến hành sơ kết việc thực hiện Nghị định làm cơ sở để đề xuất điều chỉnh phù hợp để khắc phục những khó khăn, vướng mắc đang đặt ra.

### **6.3. Về liên kết "4 nhà":**

Quyết định số 80/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng được ban hành từ năm 2002. Bên cạnh những mặt tích cực, Quyết định 80 còn bộc lộ nhiều bất hợp lý, nhất là trong điều kiện sản xuất hàng hóa như hiện nay.

Để khắc phục những tồn tại, tăng cường liên kết trong nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với 1 số Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng Đề án "Chính sách thúc đẩy liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản giữa nông dân và các đối tác kinh tế khác" (dự kiến sẽ trình Chính phủ vào tháng 12/2011). Đề án tập trung giải quyết, làm rõ một số vấn đề sau:

- Xác định rõ vai trò của các đối tác trong liên kết, trong đó: Doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo, là hạt nhân thúc đẩy liên kết (chủ yếu lo chế biến và là đầu mối tiêu thụ nông sản); Nông dân với vai trò người sản xuất nguyên liệu; Hợp tác xã, tổ hợp tác đóng vai trò cầu nối giữa nông dân với nhà khoa học và doanh nghiệp; Nhà khoa học (tổ chức khoa học) hợp đồng với tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp có nhiệm vụ hỗ trợ chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giải quyết các khó khăn về công nghệ, kỹ thuật sản xuất, chế biến nông sản; Nhà nước có nhiệm vụ đề ra chính sách, tạo môi trường để đảm bảo thúc đẩy liên kết phát triển bền vững.

- Các chính sách hỗ trợ nông dân, hợp tác xã, nhà khoa học, doanh nghiệp để đảm đương được các nhiệm vụ, vai trò của mình trong liên kết

- Đề xuất cơ chế và đề nghị các chế tài xử phạt để bảo vệ lợi ích của các bên liên kết nhằm đảm bảo liên kết được chặt chẽ và bền vững.

Sau khi Quyết định mới được ban hành, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ phối hợp với các địa phương xây dựng các dự án mô hình liên kết sản xuất thí điểm

gắn với ngành hàng thế mạnh của các địa phương cho doanh nghiệp, nông dân...thực hiện.

### **7. Đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn:**

Đại biểu *Huỳnh Minh Chấn* (Đoàn Hậu Giang) chất vấn về đầu tư cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn vì sao lại giảm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

Tổng hợp số liệu của Tổng cục Thống kê (Niên giám thống kê năm 2010), kết quả trong 5 năm 2006-2010, tổng vốn đầu tư toàn xã hội vào lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 199.071 tỷ đồng, chiếm 6,4% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội; tốc độ tăng bình quân 14,2%/năm. Tuy vậy, tỷ trọng vốn đầu tư toàn xã hội vào ngành lại giảm từ 7,4% năm 2006 xuống còn 6,2% vào năm 2010.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tổng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ cho cả nông nghiệp và nông thôn giai đoạn 2006-2010 là 331.334 tỷ đồng, chiếm 49% tổng nguồn vốn đầu tư phát triển cả nước và liên tục tăng qua các năm với tốc độ bình quân 26%/năm. Nguồn vốn tín dụng dành cho nông nghiệp nông thôn cũng liên tục tăng lên, riêng 9 tháng đầu năm 2011 tăng 32,5% so với cùng kỳ năm 2010.

Như vậy, trong 5 năm qua, đầu tư của nhà nước và xã hội vào nông nghiệp, nông thôn liên tục tăng lên, đầu tư của nhà nước luôn chiếm tỷ trọng lớn và liên tục tăng mạnh. Tuy vậy, đầu tư trực tiếp cho phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp của xã hội còn thấp và có xu hướng giảm tương đối. Nguyên nhân chủ yếu là do sự thu hút của ngành đối với các thành phần kinh tế còn thấp. Để khắc phục tình trạng trên, ngoài việc tiếp tục tăng đầu tư của nhà nước, năm 2010, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 về tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn, Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 4/6/2010 về các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn...

### **8. Xây dựng nông thôn mới:**

Đại biểu *Huỳnh Minh Chấn* (Đoàn Hậu Giang), Đại biểu *Phạm Văn Hồ* (Đoàn Phú Yên) chất vấn về 19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới có phù hợp với từng vùng, miền chưa và hướng xử lý nhưng bất hợp lý.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin báo cáo như sau:

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới (*Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009*) gồm 19 tiêu chí, chia thành 5 nhóm tiêu chí gồm: Nhóm tiêu chí về quy hoạch; hạ tầng kinh tế - xã hội; kinh tế và tổ chức sản xuất; văn hóa, xã hội môi trường và hệ thống chính trị, cụ thể hoá theo từng vùng. Bộ

tiêu chí này là căn cứ để các địa phương đánh giá thực trạng nông thôn; xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển nông thôn giai đoạn 2010 – 2020.

Theo báo cáo của các tỉnh, đến nay cả 63 tỉnh, thành phố đều đã hoàn thành việc đánh giá sơ bộ thực trạng NTM theo bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới và hướng dẫn của các Bộ, ngành. Theo đó: kết quả có 1,2% số xã đạt 15 đến 18 tiêu chí ; có 3,3% số xã đạt từ 12 đến 14 tiêu chí ; có 13% số xã đạt từ 8 đến 9 tiêu chí có 22% số xã đạt từ 5- 7 tiêu chí, có 32,3% số xã đạt từ 3 - 5 tiêu chí, còn 28,2% số xã đạt dưới 3 tiêu chí. Sau khi thực hiện việc rà soát, đánh giá thực trạng nông thôn, đến nay có khoảng 50% số xã đang xây dựng quy hoạch (4500 xã), trong đó có 700 xã (chiếm 7,6%) đã phê duyệt xong đề án làm căn cứ trong triển khai xây dựng nông thôn mới ở địa phương mình.

Tuy nhiên, khi triển khai quy hoạch và lập đề án xây dựng nông thôn mới ở các địa phương đã nhận thấy có một số tiêu chí chưa phù hợp cần phải sửa đổi để phù hợp với đặc thù của vùng như: tiêu chí thủy lợi (2); tiêu chí chợ nông thôn (7); nhà ở dân cư (9); HTX hoạt động có hiệu quả (13); tiêu chí môi trường (17); một số tiêu chí khó thực hiện như về thu nhập (10), chuyển dịch cơ cấu lao động (12).

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp cùng các Bộ, ngành có liên quan để nghiên cứu, rà soát lại các tiêu chí gắn với việc tổng kết 11 mô hình điểm vào tháng 12/2011 trên cơ sở đó sẽ đề xuất Chính phủ sửa đổi cho phù hợp.

### **9. Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp:**

Đại biểu *Đinh Thị Bạch Mai* (Đoàn TP. Hồ Chí Minh) chất vấn về các giải pháp loại trừ, giảm thiểu tác động tiêu cực của việc sử dụng hoá chất trong nuôi trồng, chế biến, bảo quản lương thực, thực phẩm.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin báo cáo như sau:

Trong những năm qua, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành, cập nhật kịp thời theo thẩm quyền các Danh mục các loại thuốc thú y, bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi... được phép sử dụng và chỉ đạo các cơ quan chức năng, các đơn vị trực thuộc kiểm tra, giám sát trong toàn bộ chuỗi sản xuất, phân phối, sử dụng và các tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng.

Để tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý, kiểm soát việc sử dụng các loại hóa chất trong canh tác nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông thủy sản sau thu hoạch, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã và tiếp tục triển khai nhiều giải pháp trong đó có 4 giải pháp quan trọng sau:

- Kiểm soát từ nguồn: Tích cực phối hợp với các Bộ, Ngành, đặc biệt là Ngành Công an, Biên phòng và Công thương kiểm soát ngăn chặn nhập lậu và lưu thông phân phối các hóa chất cấm, không rõ nguồn gốc.

- Trong sản xuất, lưu thông, phân phối: Đổi mới phương thức kiểm tra, kiểm soát tại các khâu sản xuất, lưu thông, phân phối thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; các hóa chất sử dụng trong sản xuất phân bón, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; các hóa chất cải tạo môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản ...: Năm 2011, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành và bước đầu triển khai Thông tư 14/2011/TT-BNN-PTNT (Thông tư 14) qui định kiểm tra, đánh giá, phân loại cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản. Theo Thông tư này các cơ quan chức năng theo phân công, phân cấp từ trung ương đến cấp xã thực hiện thống kê, kiểm tra, đánh giá phân loại A,B,C đối với toàn bộ các cơ sở sản xuất, lưu thông phân phối thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y; các hóa chất sử dụng trong chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản ... Phát hiện và xử lý nghiêm trường hợp vi phạm; áp dụng chế độ kiểm tra phân biệt đối xử theo kết quả phân loại (tập trung kiểm tra, xử lý doanh nghiệp còn nhiều vi phạm -loại C) và công khai kết quả phân loại A,B,C trên phương tin thông tin đại chúng giúp người tiêu dùng lựa chọn được sản phẩm tốt và là động lực phát triển cho những doanh nghiệp tuân thủ tốt các qui định về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp.

- Trong sử dụng tại khâu canh tác nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông thủy sản sau thu hoạch:

+ Sớm hoàn thiện trình Chính phủ ban hành chính sách hỗ trợ áp dụng Thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP), Thực hành sản xuất tốt (GMP) và Hệ thống HACCP trong sản xuất, chế biến nông lâm thủy sản. Bằng việc áp dụng VietGAP, GMP và HACCP người dân và doanh nghiệp tự kiểm soát, đảm bảo sử dụng đúng cách các hóa chất, phụ gia, chất bảo quản, phẩm màu trong canh tác nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông thủy sản sau thu hoạch.

+ Tập trung phổ biến, tập huấn cho người dân, doanh nghiệp nâng cao nhận thức, hiểu biết về việc sử dụng hóa chất trong canh tác nông nghiệp và bảo quản, chế biến nông thủy sản sau thu hoạch, đặc biệt là việc không sử dụng các hóa chất, phụ gia, chất bảo quản, phẩm màu ngoài Danh mục, không rõ nguồn gốc; sử dụng 4 đúng thuốc thú y, thuốc BVTV, hóa chất trong canh tác nông nghiệp; không lạm dụng chất bảo quản, phụ gia phẩm màu trong bảo quản chế biến nông thủy sản sau thu hoạch

+ Tổ chức kiểm tra, đánh giá phân loại theo Thông tư 14, phát hiện và xử lý nghiêm trường hợp vi phạm.

- Xác định các hóa chất cấm đang bị lạm dụng trong canh tác nông nghiệp và trong bảo quản, chế biến nông thủy sản sau thu hoạch giá rẻ nhưng có hiệu lực kỹ thuật cao khi sử dụng để đặt hàng các cơ sở khoa học nghiên cứu sản phẩm thay thế.



Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chân thành cảm ơn sự quan tâm sâu sắc và thường xuyên của các vị Đại biểu Quốc hội đối với lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn./.

**Nơi nhận:**

- Các Đại biểu Quốc hội (650 bản);
- Văn phòng Chính phủ (5 bản);
- Lãnh đạo Bộ;
- Các Tổng cục, Cục, Vụ;
- Lưu: VT, TH.

